UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11834/QĐ-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 13 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật
Công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An.
Địa điểm: Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bốc khối lượng công trình.

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư; thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư; thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về phần lắp đặt hệ thống công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 18/1/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về đơn giá khảo sát xây dựng công trình tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-SXD ngày 14/10/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố đơn giá nhân công; đơn giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị Quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND huyện Vĩnh Cửu về Quyết định Chủ trương đầu tư đối với các dự án Đầu tư công trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND huyện Vĩnh Cửu về Quyết định Chủ trương đầu tư đối với các dự án Đầu tư công trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu (lần 2);

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Nam Thịnh Phát lập, Báo cáo thẩm tra của Công ty TNHH Tư vấn khảo sát Sen Việt về việc kết quả thẩm tra bản vẽ thi công - dự toán công trình;

Trên cơ sở Thông báo số 86/TB-KT&HT ngày 10/12/2021 của Phòng Kinh tế & Hạ tầng về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An;

Xét tờ trình của phòng Tài chính - KH huyện Vĩnh Cửu số 435/TTr-TCKH ngày 10/12/2021 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình Nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật công trình Nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình**:** Nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An.

2. Tên chủ đầu tư: UBND xã Trị An.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Việc nâng cấp, sửa chữa đường Xóm Huế (đoạn 1), xã Trị An là một trong những quyết sách quan trọng không những tạo điều kiện đi lại tốt hơn mà còn thúc đẩy nền kinh tế của địa phương ngày càng phát triển.

- Đẩy nhanh mục tiêu xây dựng nông thôn mới trong khu vực nhằm giải quyết điều kiện giao thông, môi trường cho khu vực.

- Tạo điều kiện xây dựng các công trình theo qui hoạch được duyệt. Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Ngoài các mục tiêu trên, công tác khảo sát để phục vụ cho việc thiết kế nhằm xây dựng hệ thống giao thông, tạo điều kiện cho công tác quản lý thuận lợi.

4. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu:

❖ Quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Đường phục vụ giao thông địa phương, giao thông nông thôn, đường kết nối giao thông khu vực;
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;
- Cấp kỹ thuật: Đường giao thông nông thôn cấp A;
- Cấp công trình: Đường giao thông cấp IV (theo thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng);
- Tốc độ thiết kế 30 km/h;
- Tải trọng trục xe tính toán: P = 10 tấn/trục;
- Chiều dài tuyến: L= 754,32m;

❖ Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a. Bình đồ:

- Bình đồ trên cơ bám theo tim đường hiện hữu để hạn chế tối đa việc di dời giải tỏa.
- Tim tuyến bám theo hiện trạng đồng thời đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo yêu cầu cấp đường, tốc độ thiết kế 30Km/h.
- Các vị trí giao với các đường hiện hữu hoặc giao theo quy hoạch thì thiết kế nút giao với bán kính rẽ phù hợp với các quy định hiện hành;

b. Trắc dọc:

- Cao độ thiết kế đường đỏ khống chế các vị trí đầu dự án, cuối dự án.
- Cao độ đường đỏ thiết kế phù hợp với cao độ hiện trạng, đảm bảo yêu cầu kết cấu áo đường, giảm thiểu tối đa khối lượng đào đắp hướng tới mục tiêu giảm kinh phí đầu tư xây dựng tuyến đường

c. Trắc ngang:

- Bề rộng mặt đường : 2,5 x 2 = 5,0 m
- Lề đường : 1,0 x 2 = 2,0 m.
- Tổng cộng nền đường : 5,0m + 2,0m = 7,0 m.
- Dốc ngang mặt đường hai mái 2%, dốc ra hai bên, dốc ngang lề đường 4% dốc ra hai bên tuyến.

d. Nền đường:

- Tận dụng lại kết cấu nền đường cũ,vệ sinh trước khi thi công các lớp kết cấu bên trên.

e. Kết cấu mặt đường:

- Mặt đường bê tông nhựa nóng cấp cao A1, tải trọng trục P=10T, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc >133Mpa. Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:

+ Lớp mặt BTNN C12.5, chiều dày 6cm;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm 15cm;

+ Lớp bù vênh cáp phối đá dăm dày tối thiểu 10cm.

- Tại các vị trí băng đường ngang, sau khi thi công rãnh thoát nước, tái lập bằng bê tông đá 1x2 M250.

f. Kết cấu lề đường:

- Đắp bằng đất cấp 3, lu lèn đạt độ chặt K≥0,95;

- Mái dốc taluy nền đường đắp1/1,5. Mái dốc taluy nền đào 1/1,0

g. Hạng mục đảm bảo an toàn giao thông:

Trên tuyến thiết kế, lắp đặt biển báo hiệu đường bộ theo quy chuẩn QCVN41:2019/BGTVT (chi tiết thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công kèm theo).

h. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc:

+ Địa hình khu vực tuyến đảm bảo thoát nước theo địa hình tự nhiên.

+ Thiết kế mới mương BTCT chịu lực kích thước (600x600)cm tại các vị trí giao với đường nhánh.

- Thoát nước ngang:

Trên tuyến có 2 vị trí đã có mương hiện hữu:

+ Tại Km0+4,81 (Giao với đường ĐT.768) hiện hữu mương bê tông kích thước (0,5x0,4)cm đã bị bồi lấp, xuống cấp không đảm bảo thoát nước. Phá dỡ và thiết kế mới mương BT đậy đan chịu lực kích thước (800x800)cm

+ Tại Km0+484,98 hiện hữu mương bê tông kích thước (0,6x0,6)cm còn tốt. Giữ nguyên.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

6. Loại công trình: Công trình Giao thông.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 2.638.543.000 đồng, (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	2.308.695.967 đồng
- Chi phí thiết bị	:	0 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	63.789.270 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	218.488.162 đồng
- Chi phí khác	:	34.442.879 đồng
- Chi phí dự phòng	:	13.127.081 đồng

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nhân dân đóng góp.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh 40% chi phí xây lắp : 923.478.387 đồng
- Ngân sách huyện 40% và các chi phí khác : 1.253.325.420 đồng
- Nhân dân đóng góp 20% chi phí xây lắp : 461.739.193 đồng

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc thuê đơn vị quản lý dự án có đủ năng lực theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/NĐ-CP.

10. Thời gian thực hiện: Dự kiến thực hiện từ năm 2021 (tối đa không quá 3 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án).

11. Các vấn đề cần lưu ý đối với chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm lập định mức hoặc vận dụng định mức của công trình tương tự đã được duyệt để xác định đơn gía xây dựng. Trường hợp áp dụng định mức xây dựng mới để lập đơn giá cho gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

- Trong quá trình triển khai thi công công trình đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong các hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, báo cáo khảo sát địa hình, báo cáo kết quả thẩm tra, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Trị An, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thi hành);
- CT, PCT.UBND huyện;
- C,PVP. HĐND- UBND huyện;
- Lưu VT – CVKT (A.Cường).

(D:2021/TCKH/BCKTKT/QĐ)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Phương



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 11834/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

STT	Tên hạng mục	Vốn đầu tư (đồng)
	Tổng mức vốn đầu tư (I+II+III+IV+V)	**2.638.543.000**
I	**Chi phí xây dựng**	**2.308.695.967**
II	**Chi phí quản lý dự án**	**63.789.270**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**218.488.162**
1	Chi phí khảo sát	67.626.930
2	Chi phí giám sát khảo sát	2.753.769
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	57.717.399
4	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	4.709.740
5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	4.598.923
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp.	3.594.639
7	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp.	4.393.448
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	1.154.348
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.154.348
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	59.241.138
11	Chi phí thẩm tra An toàn giao thông	11.543.480
IV	**Chi phí khác**	**34.442.879**
1	Chi phí bảo hiểm công trình	6.233.479
2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	1.396.299
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	14.964.873
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng	11.848.228
V	**Chi phí dự phòng**	**13.127.081**